TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2026
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Quốc Tú.
2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị D, sinh năm 1984.
CCCD số 040184017619.
Nơi cư trú: Khối L, phường T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vi Văn P, sinh năm 1983.
CCCD số 040083009993.
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khối L, phường T, tỉnh Nghệ An.
Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/3/2026 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Vi Văn P kết hôn với nhau vào ngày 04 tháng 12 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N (nay là UBND phường T, tỉnh Nghệ An), hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không chung thủy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ khi anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì anh P thi thoảng có gọi điện về nhà để hỏi thăm con cái nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng

không còn ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Vi Ngọc Phương M, sinh ngày 04/8/2005 và Vi Ngọc Phương A, sinh ngày 24/7/2012, vợ chồng không ai có con riêng, không nuôi con nuôi.

Nay ly hôn, con chung Vi Ngọc Phương M đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn con chung Vi Ngọc Phương A, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến lúc con chung trưởng thành theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị D đang làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đảm bảo các điều kiện ăn ở, sinh hoạt để trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay và không vay của ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Vi Văn P: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho thân nhân bị đơn (anh Vi Văn P) và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh Vi Văn P đều vắng mặt không có lý do.

Chị Vi Thị D không cung cấp được địa chỉ nơi cứ trú, nơi làm việc hiện nay của anh Vi Văn P. Tòa án đã gửi văn bản yêu cầu thân nhân anh Vi Văn P ông Vi Văn T là bố đẻ anh P cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn anh Vi Văn P; yêu cầu ông T thông báo cho anh P biết chị D đang khởi kiện ly hôn anh P và Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết; đề nghị anh P gửi lời khai, yêu cầu cho Tòa án nhưng ông T không có ý kiến phản hồi gì. Do đó Tòa án đã xác minh qua ông T thì ông T cho biết anh P hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh P vẫn thường xuyên liên lạc về với ông qua mạng xã hội và anh P đã biết việc chị D khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh P, Tòa án khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết nhưng anh P không có ý kiến gì. Còn địa chỉ của của anh P ở nước ngoài thì anh P không cung cấp cho ông nên ông không cung cấp được cho Tòa án. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh Vi Văn P liên quan đến giải quyết vụ án cũng như không ai cung cấp thông tin về nơi cư trú, làm việc hiện tại của anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vi Thị D được ly hôn với anh Vi Văn P.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Vi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một con chung của chị D và anh P là Vi Ngọc Phương A, sinh ngày 24/7/2012, đến lúc con chung trưởng thành.

Còn con chung Vi Ngọc Phương M đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, chị D không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về chia tài sản chung: Chị Vi Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Vi Thị D phải chịu toàn bộ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Vi Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Vi Văn P có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại khối L (nay là khối L), phường T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Vi Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Vi Văn P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Công văn số 1897/QLXNC-Đ1 ngày 24/4/2026 của Phòng Q - Công an tỉnh N thì anh Vi Văn P xuất cảnh qua Cửa khẩu SBQT Nội Bài lần gần nhất ngày 20/02/2026 bằng hộ chiếu số Q00244193, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Vi Thị D không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Vi Văn P ở nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu ông Vi Văn T là bố đẻ anh P cung cấp địa chỉ, tin tức của anh P và thông báo cho anh P biết Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của chị Vi Thị D, đề nghị anh P gửi lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh P nhưng đã thông tin và anh P đã biết rõ việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết vụ án nhưng anh P không cung cấp địa chỉ và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về cho Tòa án. Do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh P nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh theo quy định của pháp luật. Việc anh P không cung cấp địa

chỉ và không có ý kiến gì về vụ án gửi cho Tòa án thể hiện anh P cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vi Thị D và anh Vi Văn P đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2002 tại UBND xã N, huyện N (nay là UBND phường T, tỉnh Nghệ An), hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do đó hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị D và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D, nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không chung thủy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không còn ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả và từ khi anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì anh P thi thoảng có gọi điện về nhà để hỏi thăm con cái nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã xác minh tại địa phương xác định quá trình chung sống chị D, anh P chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn thế nào thì Ban cán sự khối không nắm được. Hiện tại anh P đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Mặt khác ông T là bố đẻ anh P trình bày hiện tại anh P đang ở nước ngoài nhưng ông không biết được địa chỉ của anh P ở đâu. Ông đã thông báo cho anh P biết nội dung chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P nhưng anh P không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ anh P không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị D, anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị D được ly hôn với anh P như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị D trình bày chị D và anh P có hai con chung là Vi Ngọc Phương M, sinh ngày 04/8/2005 và Vi Ngọc Phương A, sinh ngày 24/7/2012, không ai có con riêng, không nuôi con nuôi. Nay ly hôn, con chung Vi Ngọc Phương M đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Vi Ngọc Phương Anh chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến lúc con chung trưởng thành theo nguyện vọng của con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị D làm nghề lao động tự do, đảm bảo thu nhập, điều kiện ăn ở, sinh hoạt để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hơn nữa con chung Vi Ngọc Phương A cũng có nguyện vọng được ở với chị D. Qua xác minh tại địa phương xác định trong quá trình chung sống chị D và anh P đều không ai có hành vi đánh đập, ngược đãi con chung. Hiện tại con chung đang được chị D trực tiếp

nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh P đều vắng mặt không có lý do và không rõ địa chỉ của anh P ở đâu. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị D và anh P được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên khi chị D và anh P ly hôn, cần giao con chung Vi Ngọc Phương A cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 là phù hợp.

Đối với con chung Vi Ngọc Phương M đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị D không yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. *Về chia tài sản*: Chị Vi Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí*: Buộc chị Vi Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 122; 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị D được ly hôn với anh Vi Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Vi Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một con chung của chị D và anh P là Vi Ngọc Phương A, sinh ngày 24/7/2012, đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Còn con chung Vi Ngọc Phương M đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

2.2. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng

các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị Vi Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vi Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002729 ngày 15/04/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh N (chị D đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vi Thị D vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bị đơn anh Vi Văn P đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND P. Thái Hoà (ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên